

Số: 91/QĐ-UBND

Phú Quốc, ngày 09 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố, công khai số liệu giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 177/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang về Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 3312/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước năm 2024 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang (đợt 1);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính Kế hoạch tại Tờ trình số 10/TTr-PTCKH ngày 05 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, công khai số liệu giao chi tiết Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước trên địa bàn thành phố như sau:

Tổng Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 nguồn vốn ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Phú Quốc là 1.334.434 triệu đồng (Một nghìn, ba trăm ba mươi bốn tỷ, bốn trăm ba mươi bốn triệu đồng). Cụ thể từng nguồn như sau:



1. Nguồn vốn ngân sách tỉnh giao là 155.334 triệu đồng (*Một trăm năm mươi lăm tỷ, ba trăm ba mươi bốn triệu đồng*). Cụ thể như sau:

1.1. Nguồn Cân đối ngân sách là: 51.000 triệu đồng (*Năm mươi một tỷ, đồng*). Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp (06 dự án + vốn chưa phân bổ): 51.000 triệu đồng.

1.2. Nguồn thu xổ số kiến thiết là: 60.000 triệu đồng (*Sáu mươi tỷ đồng*). Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp (07 dự án + vốn chưa phân bổ): 32.975 triệu đồng.

- Dự án khởi công mới (09 dự án): 26.925 triệu đồng.

- Dự án chuẩn bị đầu tư (01 dự án): 100 triệu đồng

1.3. Nguồn thu xổ số kiến thiết (GTNT các xã, phường) là: 26.700 triệu đồng (*Hai mươi sáu tỷ, bảy trăm triệu đồng*). Trong đó:

- Dự án chuyển tiếp (08 dự án): 17.658 triệu đồng.

- Dự án chuẩn bị đầu tư (01 dự án): 100 triệu đồng.

- Vốn chưa phân bổ: 8.942 triệu đồng.

1.4. Nguồn thu tiền sử dụng đất 40% (GTNT các xã, phường) là: 17.634 triệu đồng (*Mười bảy tỷ, sáu trăm ba mươi bốn triệu đồng*). Trong đó:

- Vốn chưa phân bổ: 17.634 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục I)

2. Nguồn ngân sách thành phố là: 1.150.000 triệu đồng (*Một nghìn, một trăm năm mươi tỷ đồng*). Cụ thể như sau:

2.1. Nguồn ngân sách thành phố (nguồn thu sử dụng đất 60% tỉnh giao) là: 150.000 triệu đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng*). Trong đó:

- Dự án trả nợ (02 dự án + vốn chưa phân bổ): 2.518 triệu đồng.

- Dự án chuyển tiếp (23 dự án + vốn chưa phân bổ): 127.982 triệu đồng.

- Dự án khởi công mới (03 dự án): 18.000 triệu đồng.

- Dự án chuẩn bị đầu tư (06 dự án): 1.500 triệu đồng.

2.2. Nguồn ngân sách thành phố là 1.000.000 triệu đồng (*Một nghìn tỷ đồng*). Trong đó:

- Ghi thu ghi chi: 1.000.000 triệu đồng.

(kèm theo phụ lục II)

3. Nguồn kết dư ngân sách thành phố là 29.100 triệu đồng (*Hai mươi chín tỷ, một trăm triệu đồng*). Trong đó:

- Dự án khởi công mới (02 dự án): 28.600 triệu đồng

- Dự án chuẩn bị đầu tư (01 dự án): 500 triệu đồng.

(Kèm theo phụ lục III)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./. *Đợt 2*

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Thành ủy;
- Lãnh đạo HĐND-UBND thành phố;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố;
- Tòa án nhân dân thành phố;
- Cơ quan các đoàn thể thành phố;
- UBND các xã, phường;
- LĐVP, đ/c Hưng;
- Lưu: VT *6*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Quang Hưng



DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TỈNH BỐ SUNG
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú
						Số; ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
	TỔNG CỘNG (A + B + C + D)						389.603			459.357	222.509	455.044	155.334	
A	NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH						109.180			220.790	139.436	203.634	51.000	
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP						109.180			220.790	139.436	203.634	51.000	
	Lĩnh vực Giáo dục						90.000			203.570	131.271	188.414	45.688	
1	Đường Suối Cái - Rạch Vem	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881801	NQ 21 30/8/2023	90.000	2021-2024	1163 04/7/4/2023	89.206	23.602	74.050	41.425	
2	Đường nhánh số 3 - Khu vực Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7230737	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023		2021-2023	51 28/2/2023	114.364	107.669	114.364	4.263	Cho phép kéo dài bỏ trí vốn sang 2024
	Lĩnh vực Giáo dục						19.180			17.220	8.165	15.220	5.312	
1	Trường TH - THCS Thổ Châu (Điểm Chính)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944572	NQ 11 28/5/2020	6.090	2022-2024	1847 17/5/2023	5.447	1.765	5.447	3.000	
2	Sửa chữa các điểm trường năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8015223	NQ 11 28/5/2020	4.000	2022-2024	1702 05/5/2023	3.865	2.800	2.844	44	
3	Sửa chữa các điểm trường năm 2024	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8015222	NQ 11 28/5/2020	4.000	2023-2025	1661 27/4/2023	3.895	2.900	2.916	16	
4	Trường TH Dương Tơ 1 - Điểm Suối lớn	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8016554	NQ 11 28/5/2020	5.090	2023-2025	4292 09/08/2023	4.013	700	4.013	2.200	
	Lĩnh vực Giáo dục													
I	Vốn chưa phân bổ (01 dự án)												52	Chưa đủ điều kiện phân bổ
B	NGUỒN THU XỐ SỐ KIẾN THIẾT						188.806			171.759	35.790	159.793	60.000	
I	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP						136.200	0	0	132.848	35.090	108.191	32.975	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bỏ từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú
						Số: ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
	Lĩnh vực Giao thông						90.000			89.206	23.602	74.050	9.025	
1	Đường Suối Cài - Rach Vem	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881801	NQ 21 30/8/2023	90.000	2021-2024	1163 04/7/4/2023	89.206	23.602	74.050	9.025	
	Lĩnh vực y tế						0			0	0	0	1.350	
1	Vốn chưa phân bổ (01 dự án)												1.350	Chưa đủ điều kiện phân bổ
	Lĩnh vực Giáo dục						46.200			43.642	11.488	34.141	22.600	
2	Trường TH - THCS Cửa Dương - Diêm chính (HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944567	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4349 11/08/2023	4.831	1.852	3.250	1.550	
3	Sửa chữa cải tạo nhà vệ sinh, công trường rào, sân nhèn, hệ thống thoát nước (HM: 12 điểm trường)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7943313	6149 09/12/2021	5.700	2023-2024	4352 11/8/2023	5.152	1.876	4.650	2.950	
4	Trường TH-THCS Bãi Bồn (HM: 01 nhà đa năng, 06 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7945681	6149 09/12/2021	11.000	2023-2024	4346 11/08/2023	10.663	1.600	8.400	6.400	
5	Trường THCS Dương Tơ (HM: 06 phòng học, 03 phòng bộ môn)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944570	6149 09/12/2021	10.500	2023-2024	4354 11/08/2023	10.083	1.500	7.441	5.500	
6	Trường TH Dương Tơ 2 - 73ha (Tiền cũ: Trường TH Dương Tơ 2 - HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944571	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4353 11/08/2023	4.976	1.882	4.200	2.500	
7	Trường TH Cửa Dương 2 - Diêm Quốc Thẳng (HM: 08 phòng học và công trường rào, sân nhèn hệ thống thoát nước)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944565	6149 09/12/2021	9.000	2023-2024	4350 11/08/2023	7.937	2.778	6.200	3.700	
11	DỰ ÁN KHỎI CÔNG MỚI						48.606			38.911	700	47.602	26.925	
	Lĩnh vực Giáo dục						17.090			16.086	300	16.086	9.925	
1	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Cửa Cạn (tên cũ: Trường PTCS Cửa Cạn (Diêm chính - 2024)	CC	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8017950	NQ 11, 52 28/5/2020	9.000	2023-2025	5517 30/10/2023	8.055	200	8.055	4.250	
2	Trường mầm non An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	7855075	NQ 11, 52 27/8/2021	8.090	2022-2024	5518 30/10/2023	8.031	100	8.031	5.675	
	Lĩnh vực y tế						31.516			22.825	400	31.516	17.000	
1	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Dương Tơ	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034099	4435 15/8/2023	4.231	2023-2025	5508 30/10/2023	3.078	60	4.231	2.300	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư dự án			Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã trả từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
2	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Cửa Dương	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034098	4438 15/8/2023	4.301		2023-2025	5515 30/10/2023	3.883	60	4.301	2.900	
3	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Hàm Ninh	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034100	4436 15/8/2023	4.337		2023-2025	5509 30/10/2023	2.902	60	4.337	2.200	
4	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Bãi Thơm	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034097	4439 15/8/2023	4.000		2023-2025	5512 30/10/2023	3.227	60	4.000	2.400	
5	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Thổ Châu	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034101	4434 15/8/2023	5.448		2023-2025	5510 30/10/2023	3.896	60	5.448	2.900	
6	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế Phường An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034096	4440 15/8/2023	4.820		2023-2025	5511 30/10/2023	2.696	60	4.820	2.000	
7	Nâng cấp, Sửa chữa trạm y tế xã Cửa Cạn	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8034102	4437 15/8/2023	4.379		2023-2025	5513 30/10/2023	3.143	40	4.379	2.300	
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						4.000				0	0	4.000	100	
	Lĩnh vực Giáo dục						4.000				0	0	4.000	100	
I	Sửa chữa các điểm trường năm 2025	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA		NQ 11 28/5/2020	4.000		2024-2025				4.000	100	
C	NGUỒN THU XỐ SỐ KIẾN THIẾT ĐƯỜNG GTNT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ						91.617		-	-	66.808	47.283	91.617	26.700	
I	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP						84.303				66.808	47.283	84.303	17.658	
1	Giao thông nông thôn phường An Thới năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030402	6505 12/12/2023	16.000		2023-2025	3521 10/7/2023	13.900	9.000	16.000	4.900	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
2	Giao thông nông thôn xã Cửa Dương năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030401	6507 12/12/2023	10.396		2023-2025	3522 10/07/2023	10.396	7.283	10.396	2.217	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
3	Giao thông nông thôn xã Dương Tơ năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030400	6503 12/12/2023	13.000		2023-2025	3523 10/07/2023	7.738	6.500	13.000	1.238	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
4	Giao thông nông thôn xã Hàm Ninh năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030404	6510 12/12/2023	15.117		2023-2025	3386 20/07/2023	7.199	5.500	15.117	1.699	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
5	Giao thông nông thôn xã Cửa Cạn năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030399	6504 12/12/2023	4.000		2023-2025	4244 07/08/2023	3.480	2.500	4.000	980	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
6	Giao thông nông thôn phường Dương Đông năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030398	6509 12/12/2023	14.700		2023-2025	4284 09/08/2023	12.824	9.000	14.700	3.824	Điều chỉnh chủ trương đầu tư tăng quỹ mở

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú
						Số; ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
7	Đường và cầu Đình Bà xã Hàm Ninh	PQ	KBNN Phú Quốc	BQLDA	8030405	6508 12/12/2023	9.790	2023-2025	4296 10/08/2023	9.790	6.500	9.790	2.500	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
8	Giao thông nông thôn xã Gành Dầu năm 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8030403	6506 12/12/2023	1.300	2023-2025	3520 10/07/2023	1.481	1.000	1.300	300	Điều chỉnh chủ trương đầu tư
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ DẦU TƯ						7.314			-	-	7.314	100	
I	Đường từ ngã ba Cầu Sấu đến khu phố 7 phường An Thới	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		6511 12/12/2023	7.314	2024-2025				7.314	100	
III	VỐN CHỨA PHÂN BỐ												8.942	Chưa đủ điều kiện phân bổ
D	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT 40% ĐƯỜNG GTNT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ												17.634	Chưa đủ điều kiện phân bổ

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

(Kèm theo Quyết định số 91 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: triệu đồng															
S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bố trí từ khối công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú	
						Số; ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
I TỔNG CỘNG															
A	NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ (A + B)						1.648.580				2.212.373	3.151.841	5.496.202	1.150.000	
I	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (60%)						1.648.580				2.212.373	708.333	496.202	150.000	
I	DỰ ÁN TRẢ NỢ QUYẾT TOÁN						-				235.324	202.688	365	2.518	
1	Đường nối trục Nam Bắc ra Biển	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7011282	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023		2010-2020	64; 21/06/2012	193.820	173.605	299	244	Cho phép kéo dài bố trí vốn sang 2024	
2	Khu tái định cư bắc sân bay 10 ha (Sân nền, HT cấp nước, HT thoát nước, HT cấp điện, điện chiếu sáng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7401209	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023		2008-2014	801; 06/04/2011	41.504	29.083	66	66	Cho phép kéo dài bố trí vốn sang 2024	
3	Vốn chưa chia phân bổ (11 dự án)												2.208		
II DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP															
Ngành giao thông															
I	Khu tái định cư Suối Lớn 73ha	PQ	KBNN Phú Quốc	UBND thành phố	7060665	NQ số 176 của HĐND tỉnh ngày 08/12/2023		2007-2022	97; 22/01/2007	269.439	200.577	3.141	1.000	Cho phép kéo dài bố trí vốn sang 2024	
2	Dự án DTXD Đường trung tâm đoạn 3 - Khu vực Bãi Trảng và các đường nhánh, huyện Phú Quốc (nay là thành phố Phú Quốc), tỉnh Kiên Giang	PQ	KBNN Phú Quốc	UBND thành phố	7230738	NQ 130 23/6/2023	1.225.257	2016-2023	67 23/4/2021	1.312.000	142.293	207.000	43.806	Cho phép kéo dài bố trí vốn sang 2024	
3	Nâng cấp, cải tạo nút giao, dài phân cách giữa đường Trần Hưng Đạo (Đoạn từ ngã 5 đến công chào)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7972563	4135 18/8/2022	8.000	2022-2024	5607 04/11/2022	4.872	5.100	5.600	500		
4	Đường điện trung thế từ đường Dương Đông - Cửa Cạn vào khu vực bãi rác tam Đồng Cây Sao	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8030406	3519 10/07/2023	2.600	2023-2025	3519 10/07/2023	1.949	1.800	2.600	149		
5	Đường vào đền thờ các Anh hùng liệt sĩ	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7964154	3125 27/6/2022	180	2023-2025	5639; 08/11/2022	133	84	133	2		
6	Khu tái định cư tại chỗ thuộc khu dân cư Thung Lũng T	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7964155	1936 19/4/2022	6.000	2022-2025	1031, 05/04/2023	2.701	1.108	2.701	1.000		
7	Nâng cấp các tuyến đường nội ô Thị Trấn Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7818558	4363 26/10/2018	54.847	2020-2024	4287 07/09/2022	49.393	420	40.233	20.000		

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bố trí từ khối công đức đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú
						Số: ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
8	Dường nhánh số 3 - khu vực Bãi Trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7230737	NQ số 176 của UBND tỉnh ngày 08/12/2023		2021-2023	146 13/7/2021	117.343	107.669	10.000	10.000	Cho phép kéo dài bố trí vốn sang 2024
9	Dường Suối Cái - Rạch Vem	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7881801	NQ 21 30/8/2023	90.000	2021-2024	1163 04/7/4/2023	89.206	23.602	15.156	1.000	
10	Vốn chưa chia phân bổ (07 dự án)												26.257	Chưa đủ điều kiện phân bổ
	Ngành giáo dục						41.403			37.450	13.980	26.550	18.836	
2	Trường TH-THCS Bãi Thơm (HM: 01 nhà đa năng.)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944569	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4348 11/08/2023	4.869	1.853	3.169	2.600	
3	Trường TH Cửa Dương 2 - Điểm chính (HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944568	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4347 11/8/2023	4.799	1.882	3.099	2.600	
4	Trường TH - THCS Cửa Dương - Điểm chính (HM: 01 nhà đa năng)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944567	6149 09/12/2021	5.000	2023-2024	4349 11/08/2023	4.831	1.852	1.581	1.050	
5	Trường TH Dương Tor 2 - Điểm Đường Bào (HM: 04 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7950412	6149 09/12/2021	4.000	2023-2024	4345 11/08/2023	3.583	1.431	2.283	2.000	
6	Trường TH-THCS Hàm Ninh - Điểm Mẫu giáo cũ (HM: 04 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7943312	6149 09/12/2021	4.000	2023-2024	4355 11/08/2023	3.705	1.307	2.505	1.610	
7	Trường Mầm non Gành Dầu (Hạng mục: 03 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7945679	NQ 11 28/5/2020	3.000	2022-2024	4351 11/08/2023	2.874	1.150	2.874	1.724	
8	Trường TH - THCS Cửa Dương (HM: 04 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944573	NQ 11 28/5/2020	4.643	2022-2024	1664, 27/04/2023	3.645	1.300	3.645	1.665	
9	Trường TH An Thới 2 - Điểm chính (HM: 04 phòng học, sân chơi)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7858634	NQ 11 28/5/2020	4.760	2022-2024	1700 05/05/2023	3.658	1.300	3.608	1.685	
10	Trường TH-THCS Gành Dầu - Điểm tiểu học (HM: 06 phòng học)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944566	6149 09/12/2021	6.000	2023-2024	1633, 26/04/2023	5.486	1.905	3.786	2.700	
11	Vốn chưa chia phân bổ (02 dự án)												1.202	Chưa đủ điều kiện phân bổ
	Ngành khác						17.695			13.761	7.764	13.313	5.432	
1	Cải tạo sửa chữa Hội trường A, nâng cấp mở rộng Phòng tiếp dân và mua sắm thiết bị	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7944574	1937 19/4/2022	6.000	2022-2024	3032 17/6/2022	5.605	5.050	5.087	37	
2	Sửa chữa cải tạo nâng cấp Trụ sở Ban Bồi thường hồ sơ và tài định cư	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7970641	1934 19/4/2022	1.100	2022-2024	1017, 14/04/2023	816	700	816	50	
3	Xây dựng mới Hội trường Ủy ban nhân dân xã Bãi Thơm	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7943310	1935 19/4/2022	4.595	2022-2024	1665, 27/04/2023	4.525	1.650	4.595	2.780	
4	XDM Trụ sở Đoàn quân lý đường bộ	PQ	KBNN Phú Quốc	BOL dự án	7818549	6512 06/12/2023	6.000	2022-2024	4815, 19/9/2023	2.815	364	2.815	2.465	Điều chỉnh chủ trương tăng quy mô



S T T	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công - Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bố trí từ khởi công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
5	Vốn chưa phân bổ (01 dự án)												100	Chưa đủ điều kiện phân bổ
III	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI						83.469			78.802	738	78.810	18.000	
	Ngành Giáo dục						3.000			2.978	50	2.978	2.000	
I	Sửa chữa các điểm trường 2023	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8015220	NQ 11 28/5/2020	3.000	2023-2025	5516 30/10/2023	2.978	50	2.978	2.000	
	Ngành giao thông						65.479			65.471	668	65.479	10.000	
I	Thoát nước các tuyến đường tỉnh lộ trên địa bàn thành phố Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8005773	1704 08/5/2023	65.479	2023-2026	6410 01/12/2023	65.471	668	65.479	10.000	
	Ngành y tế						14.990			10.353	20	10.353	6.000	
I	Trạm y tế Phường Dương Đông	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8032199	4137 18/8/2022	14.990	2023-2025	5844 15/11/2023	10.353	20	10.353	6.000	
IV	CHUAN BỊ ĐẦU TƯ						119.129				510	90.600	1.500	
	Ngành Giao thông+ ngành khác						88.529				510	60.000	800	
I	Đường Suối Cái Gành Dầu (Đoạn từ ngã ba Rạch Vem - Gành Dầu)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	7941736	NQ 22 30/8/2023	32.839	2022-2025			500	30.000	500	
2	Mở rộng Nghĩa trang nhân dân nhân dân thành phố Phú Quốc (6.0187ha)	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8023845	1880 18/5/2023	55.690	2023-2025			10	30.000	300	
	Ngành giáo dục						30.600					30.600	700	
I	Sửa chữa các điểm trường 2024	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		NQ 11 28/5/2020	3.000	2024-2025				3.000	50	
2	Sửa chữa các điểm trường 2025	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		NQ 11 28/5/2020	3.000	2024-2025				3.000	50	
3	Trường THICS Dương Đông I	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		6462 05/12/2023	13.600	2024-2026				13.600	300	
4	XĐM nhà vệ sinh công hàng rào, sân nền, hệ thống thoát nước các điểm trường	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án		6461 05/12/2023	11.000	2024-2026				11.000	300	
B	GHI THU GHI CHI										2.443.508	5.000.000	1.000.000	



DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NAM 2024 NGUỒN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ
(Kèm theo Quyết định số 11/QĐ-UBND ngày 08 tháng 09 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

Đơn vị tính: Triệu đồng														
S T T	Danh mục dự án	Địa điểm điểm xây dựng	Địa điểm mở tài khoản của dự án (chỉ tiết đến quận, huyện)	Chủ đầu tư	Mã số dự án đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư dự án		Thời gian khởi công Hoàn thành	Quyết định đầu tư dự án		Vốn đã bố trí từ khối công đến hết năm 2023	Kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024	Ghi chú
						Số; ngày, tháng, năm	Dự kiến tổng mức đầu tư		Số; ngày, tháng, năm	Tổng mức vốn đầu tư				
I	2	3	4	5	6	7	8	9	7	8	10	11	12	16
	NGUỒN VỐN KẾT DƯ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ						974.000			176.000	500	910.466	29.100	
I	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI						176.000			176.000	400	176.000	28.600	
1	Trường mầm non Dương Đông tại khu 67,5 ha	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8051354	NQ số 23 30/8/2023	56.000	2025-2026	6599 11/12/2023	56.000	200	56.000	12.300	
2	Trường Tiểu học và THCS Dương Đông tại khu 67,5 ha	PQ	KBNN Phú Quốc	BQL dự án	8054337	NQ số 24 30/8/2023	120.000	2025-2026	6598 11/12/2023	120.000	200	120.000	16.300	
II	DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ						798.000				100	734.466	500	
I	Bệnh viện da Khoa Phú Quốc	PQ	KBNN Phú Quốc	UBND thành phố	8051354	NQ 20 30/8/2023	798.000	2024-2027			100	734.466	500	